

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YS
TỈNH TQ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 02/8/2022
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thom.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YS mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị V**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Tổ dân phố BH, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ.

- *Bị đơn:* Anh **Triệu Văn K**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ.

(Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn K tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 19/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh Kôi tại thôn ĐC, xã TS, huyện YS. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến tháng 6 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh K sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng

đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn K.

Về con chung: Chị và anh Triệu Văn K có 01 con chung, là cháu Triệu Bùi Minh K, sinh ngày 24/5/2020, hiện nay cháu K đang ở với chị tại Tổ dân phố BH, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Bùi Minh K và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh K không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 bị đơn anh Triệu Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị V tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 19/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng gia đình nhà anh tại thôn ĐC, xã TS, huyện YS. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến tháng 7 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Anh và chị V sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị V, đề nghị Tòa án nhân dân huyện YS giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị V.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị V có 01 con chung, là cháu Triệu Bùi Minh K, sinh ngày 24/5/2020, hiện nay cháu K đang ở với chị V tại tổ dân phố BH, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ. Sau khi ly hôn anh nhất trí cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Bùi Minh K vì cháu còn quá nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, anh có quyền, nghĩa vụ thăm mon con chung không ai được cản trở theo đúng quy định của pháp luật. Chị V không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung anh nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định anh và chị V không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Kôi không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án chị V có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa và các tài liệu khác tại địa phương nơi anh K cư trú để anh K đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Bùi Thị V và anh Triệu Văn K là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện YS, tỉnh TQ và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị V, anh K về chung sống với gia đình anh K tại thôn ĐC, xã TS, huyện YS. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến tháng 6 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau nữa, chị V và anh K sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay, hiện vợ chồng chị V và anh K không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng chị V, anh K có 01 con chung, là cháu Triệu Bùi Minh K, sinh ngày 24/5/2020, hiện nay cháu K đang ở với chị V. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh K không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ. Về hộ khẩu thường trú, hiện anh K có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐC, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ, hiện nay anh K đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, khi đi làm ăn anh K không thông báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và địa phương không biết anh K đang làm gì, ở đâu, còn chị V khi kết hôn với anh K chưa chuyển khẩu về thôn ĐC, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Về thu nhập bình quân của chị V, anh K địa phương không nắm được.

Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, về quan hệ hôn nhân, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn K. Về con chung, chị và anh K có 01 con chung, là cháu Triệu Bùi Minh K, sinh ngày 24/5/2020, hiện nay cháu K đang ở với chị tại tổ dân phố BH, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Bùi Minh K và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Triệu Văn K. Về con chung, giao cháu Triệu Bùi Minh K, sinh ngày 24/5/2020 cho chị Bùi Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, chị V và anh K đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Về án phí, chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Bùi Thị V và anh Triệu Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Triệu Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐC, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ nên chị V khởi kiện xin ly hôn với anh K là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YS theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương được biết, anh Triệu Văn K có hộ khẩu thường trú và hiện đang sống tại thôn ĐC, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Địa phương cho biết, anh K có biết việc chị V kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh K đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà, khi đi làm ăn anh K không thông báo địa chỉ mới nên Công an, địa phương cũng như gia đình không nắm được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành niêm yết quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa tại địa phương nơi anh K cư trú để anh K đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh K không đến Tòa án tham phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án chị V có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Triệu Văn K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Triệu Văn K là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện YS, tỉnh TQ và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị V, anh K về chung sống với gia đình anh K tại thôn ĐC, xã TS, huyện YS, tỉnh TQ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến tháng 6 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau nữa, chị V và anh K sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị V và anh K thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, xử cho chị V được ly hôn với anh K là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị V, anh K có 01 con chung, là cháu Triệu Bùi Minh K, sinh ngày 24/5/2020, hiện nay cháu K đang ở với chị V. Xét về điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con chung chị V và anh K có điều kiện như nhau, tuy nhiên cháu Triệu Bùi Minh K dưới 36 (*ba mươi sáu*) tháng tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*” để tuyên xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu Triệu Bùi Minh K, sinh ngày 24/5/2020 cho chị Bùi Thị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị V không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh K đều xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị V phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Triệu Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Bùi Minh K, sinh ngày 24/5/2020 cho chị Bùi Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị V phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003989, ngày 18

tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh TQ. Anh Triệu Văn K không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị V và anh Triệu Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã TS (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh

